

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HS-ST
Ngày 26/4/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hiền và bà Nguyễn Thị Tường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Thế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Bé Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 46/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐXXST-HS ngày 12/4/2019, đối với bị cáo:

Chử Văn Th, sinh ngày 19/02/1989.

Nơi cư trú: Thôn Th 2, xã A, thành phố T, tỉnh Q; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; con ông: Chử Văn B, sinh năm 1958 và bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1966; anh, chị, em ruột: Có 03, bị cáo là thứ ba; vợ: Trần Yến L, sinh năm 1992 (đã ly hôn); con: Có 01, sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/01/2019, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

*** Bị hại:**

1. Anh **Nguyễn Mạnh T**, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Thôn 2, xã A, thành phố T, tỉnh Q (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Anh **Vũ Ngọc D** (tên gọi khác Vũ Thế D), sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Thôn V 3, xã A, thành phố T, tỉnh Q. Có mặt

3. Anh **Hoàng Văn I**, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: Thôn Bản M, xã L, huyện L Y, tỉnh Y B.

Ủy quyền cho chị Trần Thị Lan H là vợ của anh Hoàng Văn I. Chị Trần Thị Lan H: Có mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1974. Vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn Ch 8, xã V, thành phố T, tỉnh Q.

2. Anh **Phạm Văn H**, sinh năm 1967. Vắng mặt

Nơi cư trú: Xóm 4, xã Tr, huyện S, tỉnh Q.

3. Anh **Lê Hải Th**, sinh năm 1971. Vắng mặt

Nơi cư trú: Xóm 5, xã Tr M, huyện S, tỉnh Q.

4. Chị **Trần Thị Lan H**, sinh năm 1995. Có mặt

Nơi cư trú: Thôn Th, xã H Kh, huyện S, tỉnh Q.

5. Anh **Vũ Ngọc H**, sinh năm 1968. Có mặt

Nơi cư trú: Thôn V Ch 3, xã A, thành phố T, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong tháng 8, 9/2016 và tháng 7/2018, trên địa bàn thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Chủ Văn Th đã nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, cụ thể:

- Lần 1: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 14/8/2016, anh Nguyễn Mạnh T, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , BKS 22B1-948.67 chở Chủ Văn Th đến quán Internet 578, thuộc thôn Hợp Hòa 2, xã Lương Vượng, thành phố Tuyên Quang chơi điện tử. Khoảng hơn 20 giờ cùng ngày, Th hỏi T cho mượn xe mô tô của T để đi mua thẻ nạp vào tài khoản trò chơi điện tử, T đồng ý và đưa chìa khóa xe cho Th. Th điều khiển xe đi xuống Km 6, đường Tuyên Quang - Hà Nội để mua thẻ, trên đường đi Th nảy sinh ý định lấy xe của T mang bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Th đi đến thôn Chè 6, xã Lương Vượng bán xe cho Nguyễn Văn H, trú tại thôn Chè 6, xã Lương Vượng với giá 6.600.000 đồng. Sau đó Thành đi về Hà Nội và đã chi tiêu cá nhân hết số tiền bán xe.

Ngày 15/8/2016, anh Nguyễn Mạnh T đã chuộc lại xe mô tô biển kiểm soát 22B1 - 948.67 từ Nguyễn Văn H với số tiền 6.600.000 đồng.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 04 ngày 25/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Tuyên Quang, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu HONDA-Wave α màu sơn trắng, đen-bạc, biển kiểm soát 22B1-948.67, giá trị còn lại là 10.320.000 đồng.

- Lần 2: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 30/9/2016, Chủ Văn Th đến gặp Vũ Ngọc D, trú tại thôn Viên Châu 3, xã An Tường (Th quen biết, chơi với D) đang làm việc của tại quán Bến Xưa, thuộc tổ 14, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, BKS 22B1-456.55 của D để đi mua dây sạc và pin điện thoại, D đồng ý và đưa chìa khóa xe cho Thành. Thành điều khiển xe xuống xã An Tường, trong khi mua xăng, thấy trong cốp xe có 01 ví màu đen, Th mở ví ra thấy có 01 giấy đăng ký xe, 01 giấy phép lái xe, 01 chứng

minh nhân dân của D nên đã nảy sinh ý định mang xe đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân. Sau đó, Th điều khiển xe đến gặp Phạm Văn H, trú tại xóm 4, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang để cầm cố xe cho H, do không có tiền nên H cùng Th mang xe đến cầm cố cho Lê Hải Th, trú tại xóm 5, xã Trung Môn với số tiền 9.000.000đ. Sau đó Th đi về Hà Nội chơi và đã chi tiêu cá nhân hết số tiền trên.

Ngày 02/11/2016, ông Vũ Ngọc H (bố đẻ Vũ Ngọc D) đã chuộc lại xe từ Lê Hải Th với số tiền 9.100.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 123 ngày 18/10/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Tuyên Quang, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại Wave RSX, BKS 22B1 - 456.55, giá trị còn lại là 12.900.000 đồng.

- Lần 3: Tháng 7/2018, anh Hoàng Văn I, trú tại thôn Bản M, xã Lâm Th, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái thuê Chữ Văn Th phụ giúp bán hàng tại cửa hàng bán đồ tạp hóa thuộc thôn Sông Lô 8, xã An Tường, thành phố Tuyên Quang. Khoảng 14 giờ ngày 09/7/2018, sau khi cùng Th ăn cơm, uống rượu, anh I đi nghỉ. Th nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, BKS 22B1-500.35 của anh I dựng ở sân trước cửa hàng, nên đã nảy sinh ý định trộm cắp xe mang đi bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Th vào đầu giường, mở hộp kim loại lấy giấy đăng ký xe và chìa khóa xe, rồi điều khiển xe đi xuống thôn Chè 8, xã Lương Vượng, thành phố Tuyên Quang bán xe cho Nguyễn Văn H, trú tại thôn Chè 8, xã Lương Vượng với số tiền 15.000.000đ. Sau đó Th đi về Hà Nội và đã chi tiêu cá nhân hết số tiền bán xe.

Buổi chiều ngày 09/7/2018, Nguyễn Văn H bán xe mô tô mua của Th cho một người đàn ông đi qua đường (không biết họ tên, địa chỉ cụ thể) với số tiền 16.500.000 đồng. Xe mô tô không thu hồi được.

Tại Bản Kết luận định giá số 64 ngày 30/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Tuyên Quang, kết luận: Giá trị còn lại của xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Vision, BKS 22B1-500.35 là 24.000.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản Chữ Văn Th 02 lần lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt là 23.220.000đ; 01 lần trộm cắp tài sản, trị giá là 24.000.000đ. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 47.220.000 đồng.

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 47/CT-VKSTP ngày 25/3/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Chữ Văn Th về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, kết thúc phần xét hỏi, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Chữ Văn Th theo nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Chữ Văn Th phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 (đối với tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản); Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Chữ Văn Th từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp cả hai tội từ 02 (năm) 03 (ba) tháng tù đến 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại Hoàng Văn I 24.000.000 đồng; Vũ Ngọc D 9.100.000 đồng; Nguyễn Mạnh T 6.600.000 đồng.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo; buộc bị cáo phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nội dung khai báo của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, không có tình tiết mới; bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản; bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa chị Trần Thị Lan H, vợ của anh bị hại Hoàng Văn I yêu cầu bị cáo Chữ Văn Th bồi thường số tiền 24.000.000đ. Bị hại Vũ Ngọc D yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 9.100.000đ; Nguyễn Mạnh T yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 6.600.000đ. Bị cáo Chữ Văn Th nhất trí bồi thường thiệt hại tài sản do bị cáo chiếm đoạt cho những bị hại.

Kết thúc phần tranh tụng, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố, do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Chữ Văn Th tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của

bị cáo còn được chứng minh qua biên bản xác minh hiện trường, bản kết luận định giá tài sản; lời khai của những bị hại; lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; lời khai của những người làm chứng, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong tháng 8, 9/2016 và tháng 7/2018, trên địa bàn thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Chủ Văn Th, cư trú tại thôn Thăng Long 2, xã A, thành phố T đã 02 lần thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, 01 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể:

- Lần 1: Khoảng 20 giờ ngày 14/8/2016, tại thôn Hợp Hòa 2, xã Lương Vượng, thành phố Tuyên Quang. Chủ Văn Th đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , BKS 22B1 - 948.67, trị giá 10.320.000đ của anh Nguyễn Mạnh T, trú tại thôn Thăng Long 2, xã An Tường;

- Lần 2: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 30/9/2016, tại tổ 14, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang. Chủ Văn Th đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, BKS 22B1 - 456.55, trị giá 12.900.000đ của anh Vũ Ngọc D, trú tại thôn Viên Châu 3, xã An Tường;

- Lần 3: Khoảng 14 giờ ngày 09/7/2018, tại thôn Sông Lô 8, xã An Tường, thành phố Tuyên Quang. Chủ Văn Th đã thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, BKS 22B1 - 500.35, trị giá 24.000.000đ của anh Hoàng Văn I, trú tại Bản Muối, xã Lâm Thượng, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tổng trị giá tài sản Chủ Văn Th chiếm đoạt là 47.220.000đ (*Bốn mươi bảy triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng*). Trong đó 02 lần lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, trị giá 23.220.000đ; 01 lần trộm cắp tài sản, trị giá 24.000.000đ.

Về hành vi phạm tội: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Chủ Văn Th đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác; ngoài ra Thành còn có hành vi lén lút, bí mật trốn tránh sự phát hiện của người quản lý tài sản để chiếm đoạt tài sản của họ. Hành vi của bị cáo được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý trực tiếp, mục đích vụ lợi. Do vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự và tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Chủ Văn Th phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại điểm g khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự (Đối với tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản).

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo; giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập thường xuyên; không có tài sản gì có giá trị. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang.

[6] Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 chứng minh nhân dân mang tên Chử Văn Thành, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, Model: 1110i, vỏ màu trắng xanh. Hội đồng xét xử nhận thấy đối với Chứng minh nhân dân mang tên Chử Văn Th trả lại cho bị cáo; đối với điện thoại di động Nokia, model 1110i trả lại cho bị cáo những giữ lại để bảo đảm công tác thi hành án.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị Lan H, vợ của anh Hoàng Văn I (được ủy quyền) yêu cầu bị cáo Chử Văn Th bồi thường số tiền 24.000.000đ. Anh Vũ Ngọc D, ông Vũ Ngọc H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 9.100.000đ cho anh Vũ Ngọc D, ông Vũ Ngọc H không yêu cầu bồi thường; Nguyễn Mạnh T yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 6.600.000đ. Bị cáo nhất trí bồi thường cho anh Hoàng Văn I số tiền 24.000.000 đồng; anh Vũ Ngọc D số tiền 9.100.000 đồng; Nguyễn Mạnh T số tiền 6.600.000 đồng

[8] Đối với Nguyễn Văn H đã mua xe mô tô do Chử Văn Th bán; Phạm Văn H đã giúp Th cầm cố xe, Lê Hải Th nhận cầm cố xe, nhưng không biết là xe do Chử Văn Th phạm tội mà có, nên không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch.

[10]. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 (đối với tội Lạm dụng tính nhiệm chiếm đoạt tài sản); Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Chử Văn Th phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" và tội "*Lạm dụng tính nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

Xử phạt: Bị cáo **Chử Văn Th** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội mà bị cáo phải chấp hành là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (05/01/2019).

2. Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Trả lại cho bị cáo Chử Văn Th 01 chứng minh nhân dân số 070952036 cấp ngày 01/6/2015 do Công an tỉnh Tuyên Quang cấp mang tên Chử Văn Thành

- Trả lại cho bị cáo Chử Văn Th 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, Model: 1110i, vỏ màu trắng xanh số imei: 014316/00931546/8. Nhưng giữ lại để bảo đảm công tác thi hành hành.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/4/2019 giữa Công an thành phố Tuyên Quang với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang)

3. Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 548, 585, 586, 587, 589 và Điều 357 Bộ luật dân sự:

- Buộc bị cáo Chử Văn Th phải bồi thường cho anh Hoàng Văn I số tiền 24.000.000 đồng (hai mươi tư triệu đồng); bồi thường cho anh Vũ Ngọc D số tiền 9.100.000 (chín triệu một trăm nghìn đồng); bồi thường cho anh Nguyễn Mạnh T số tiền 6.600.000 đồng (sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).

Khoản tiền bồi hoàn dân sự kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị thi hành án, nếu bị cáo chậm nộp thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Chử Văn Th, phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.985.000 (một triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng) đồng án phí dân sự có giá ngạch.

Bị cáo, những bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TQ;
- VKS ND tỉnh TQ;
- Công an tỉnh TQ;
- VKS ND thành phố;
- Công an thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- Sở Tư pháp TQ;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Người tham gia tố tụng ;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Lan

